

TỪ HỒ GỌI ĐI KÈM TIỂU TỪ TÌNH THÁI PHỐI KẾT CUỐI PHÁT NGÔN TRONG GIAO TIẾP CỦA NGƯỜI NAM BỘ

Nguyễn Mai Phương

Trường Đại học Văn Lang

Ngày nhận bài 03/11/2020, ngày nhận đăng 08/12/2020

Tóm tắt: Từ hô gọi và tiểu từ tình thái, trong tiếng Việt nói chung và phương ngữ Nam Bộ nói riêng, đều là những phương tiện ngôn ngữ góp phần thể hiện nội dung thái độ, tình cảm của người nói. Trong nghiên cứu này, chúng tôi xem xét mối quan hệ giữa từ hô gọi và tiểu từ tình thái cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra điền dã: dữ liệu về các cuộc thoại của người dân ở 11 tỉnh thành Nam Bộ được thu thập và phân tích. Kết quả cho thấy, từ hô gọi đi kèm tiểu từ tình thái là hiện tượng khá phổ biến trong phát ngôn của người Nam Bộ, có ý nghĩa bổ sung thêm các sắc thái ngữ nghĩa phong phú vào trong giao tiếp. Thêm vào đó, sự kết hợp trước hay sau giữa từ hô gọi và tiểu từ tình thái cũng dẫn đến sự khác biệt về trọng tâm phát ngôn, dẫn đến những thông điệp khác nhau trong giao tiếp.

Từ khóa: Tiểu từ tình thái; từ hô gọi; phương ngữ; ý nghĩa.

1. Dẫn nhập

1.1. Trong lời ăn tiếng nói hằng ngày của người Việt nói chung và người Nam Bộ nói riêng thì một phát ngôn thường có hai nội dung được thể hiện, nội dung sự tình và thái độ, cách thức đánh giá, tình cảm của người nói. Phần thể hiện thái độ này chủ yếu do các yếu tố tình thái trong phát ngôn đảm nhận. Tình thái là phạm trù ngữ nghĩa với chức năng đa dạng và phức tạp, trong đó có một lớp từ góp phần thể hiện những chức năng quan trọng, đó là tiểu từ tình thái (TTTT). TTTT là phương tiện ngôn ngữ, có nghĩa tình thái, thường đi kèm nghĩa miêu tả trong lời nói, có vị trí ở đầu câu hoặc cuối câu (cuối phát ngôn). Ở bài viết này, chúng tôi tìm hiểu TTTT cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ khi đi kèm với từ hô gọi (THG).

1.2. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về tình thái theo dòng thời gian, có thể kể đến như công trình của tác giả Cao Xuân Hạo (1991), Hoàng Phê (1984, 1989), Hoàng Tuệ (1984, 1988), Cao Xuân Hạo (1991), Nguyễn Đức Dân (1998), Nguyễn Quang (1999), Lê Đông và Nguyễn Văn Hiệp (2003), Nguyễn Thị Thìn (2003), Phạm Hùng Việt (2004), Bùi Trọng Ngoãn (2004), Võ Quang Đại (2007), Nguyễn Văn Hiệp (2008), Trần Kim Phụng (2008, 2012), Bùi Minh Toán và Nguyễn Thị Lương (2008), Bùi Minh Toán (2012), Đinh Văn Đức (2012),... Tác giả Lê Xinh Tươi (2013) trong luận văn thạc sĩ của mình đã khảo sát những TTTT dùng phổ biến trong phương ngữ Nam Bộ và có những nhận xét khái quát về nó... Tuy nhiên, chưa có công trình nào nghiên cứu THG kèm TTTT cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ. Cho nên, chúng tôi tìm hiểu, miêu tả, phân tích mối quan hệ của TTTT và THG trong phát ngôn của người Nam Bộ. Từ đó chỉ ra mối liên kết và vai trò của chúng trong việc thể hiện sắc thái ngữ nghĩa của phát ngôn, đặc biệt là sự hấp dẫn của tính tình thái trong lời nói.

1.3. Như chúng ta biết, *hô gọi* là chỉ hành động của người nói và chức năng chủ yếu là phát ra từ ngữ nào đó hướng vào người nghe nhằm làm cho người nghe biết rằng người hô gọi muốn giao tiếp với mình. Do đó, *hô gọi* chỉ diễn ra một lần trong cuộc nói chuyện, trừ trường hợp người nghe không chú ý vào câu chuyện thì lời hô gọi mới được lặp lại để “*lôi kéo*” người nghe trở lại với câu chuyện đang còn tiếp diễn. Vì thế, khi người nói sử dụng từ xưng hô nào đó thì sẽ tự bộc lộ vị thế của mình trong quan hệ với người nghe. Cũng từ đó người nghe sẽ nhận biết thái độ, tình cảm của người nói. Một cá nhân tham gia vào hoạt động giao tiếp, có thể nói, cá nhân đó mang theo các vai xã hội trong quá trình giao tiếp.

1.4. Từ hô gọi được dùng để người nói gọi người giao tiếp với mình, THG thuộc từ xưng hô nên trong giao tiếp sẽ xuất hiện, và đặc biệt ở đây, chúng tôi khảo sát chúng đi kèm với TTTT cuối phát ngôn. Khi quan sát cách trò chuyện của người vùng đất phương Nam, chúng tôi thấy có hai cách dùng THG khá phổ biến. Đó là: THG xuất hiện sau TTTT và THG xuất hiện trước TTTT cuối phát ngôn.

2. Từ hô gọi và hiện tượng từ hô gọi đi kèm tiêu từ tình thái

Theo *Từ điển tiếng Việt*, “Xưng hô là hành động tự xưng mình và gọi người khác là gì đó không nói với nhau để biểu thị tính chất của mối quan hệ với nhau” (Hoàng Phê, 2015). Nguyễn Văn Chiến (1993) cho rằng: “...Xưng hô là một hành động ngôn ngữ. Hành động xưng hô thường diễn ra trong hội thoại...”. Tuy nhiên, chúng tôi thấy rằng: **xưng** là một bộ phận của lời nói, tự xưng (gọi) mình với người đối thoại; **hô** là gọi người đang trò chuyện với mình. Chính vì vậy, **hô gọi** là chỉ hành động của người nói và chức năng chủ yếu là phát ra từ ngữ nào đó hướng vào người nghe nhằm làm cho người nghe biết rằng người hô gọi muốn giao tiếp với mình.

Người Nam Bộ thường sử dụng các nhóm từ hô gọi như:

- Danh từ riêng: dạng như *Thời, Viên, Vi, Trâm,...*

- Danh từ thuộc nhóm danh từ chỉ họ hàng thân thuộc: *nội, ngoại, chú, thêm (thím), dì, dượng...*

Danh từ chỉ chức danh nghề nghiệp: *thầy cô, hiệu trưởng, trưởng phòng, phó phòng, sếp, tổng giám đốc...*

- Các đại từ dùng với chức năng hô gọi: *bây, mày, tui bây, tui mày...*

Để khảo sát thống kê THG đi kèm TTTT từ số liệu điền dã, chúng tôi tập hợp ngẫu nhiên 1.800/ 8.531 phiếu điều tra các cuộc hội thoại ở các tỉnh thành Nam Bộ, gồm: TP. Hồ Chí Minh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Cần Thơ, Sóc Trăng, Trà Vinh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Cà Mau (Năm Căn, huyện Trần Văn Thời), Chợ Mới - An Giang. Chúng tôi ghi nhận được số lượng tham thoại có xuất hiện TTTT cuối phát ngôn thuộc tám hành động ngôn ngữ trung (HĐNT) với tần số thể hiện được nêu ở Bảng 1.

Nhìn vào Bảng 1, chúng ta thấy rằng hiện tượng THG đi kèm TTTT cuối phát ngôn nhiều nhất ở HĐNT *dặn dò*: 146/942 (15,49%), HĐNT *mời, cảm ơn, cầu khiến* tỉ lệ gần bằng nhau. Trong đó, cụ thể: *mời*: 137/942 (14,54%), *cảm ơn*: 136/942 (14,43%), *cầu khiến*: 125/942 (13,26%), *chúc mừng*: 99/942 (10,50%), *rủ rê*: 98/942 (10,40%), *khuyên*: 73/942 (7,74%).

Như vậy, qua việc khảo sát 1.800/8.531 phiếu điều tra các cuộc hội thoại ở các tỉnh thành Nam Bộ, chúng ta nhận thấy THG đi kèm TTTT được dùng khá phổ biến trong các HDNT khác nhau của người Nam Bộ.

Bảng 1: Hiện tượng THG đi kèm TTTT cuối phát ngôn trong một số HDNT

TT	HDNT có THG đi kèm TTTT	Số lần xuất hiện	Tỷ lệ (%)
1	<i>câu khiến</i>	125	13,26
2	<i>mời</i>	137	14,54
3	<i>rủ rê</i>	98	10,40
4	<i>khuyến</i>	73	7,74
5	<i>dặn dò</i>	146	15,49
6	<i>cảm ơn</i>	136	14,43
7	<i>xin lỗi</i>	128	13,58
8	<i>chúc mừng</i>	99	10,50
Tổng		942	100

2.1. Vai trò của từ hô gọi xuất hiện trước và sau tiểu từ tình thái cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ

THG được dùng để người nói gọi người giao tiếp với mình; THG thuộc từ xưng hô nên sẽ xuất hiện trong giao tiếp. Khi quan sát cách trò chuyện của người vùng đất phương Nam, chúng tôi thấy có hai cách dùng THG khá phổ biến. Đó là: THG xuất hiện sau TTTT và THG xuất hiện trước TTTT cuối phát ngôn.

2.2. Bảng từ hô gọi xuất hiện trước và sau tiểu từ tình thái cuối phát ngôn trong giao tiếp của người Nam Bộ

Bảng 2: Từ hô gọi xuất hiện trước và sau tiểu từ tình thái cuối phát ngôn

TT	Cách thức của HDNT	Từ hô gọi xuất hiện trước		Từ hô gọi xuất hiện sau	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	<i>câu khiến</i>	77	12,90	48	13,92
2	<i>mời</i>	81	13,57	56	16,23
3	<i>rủ rê</i>	70	11,72	28	8,12
4	<i>khuyến</i>	41	6,87	32	9,28
5	<i>dặn dò</i>	97	16,25	49	14,20
6	<i>cảm ơn</i>	85	14,24	51	14,78
7	<i>xin lỗi</i>	89	14,90	39	11,30
8	<i>chúc mừng</i>	57	9,55	42	12,17
Tổng		597	100	354	100

Nhìn vào Bảng 2, chúng ta có thể nhận xét rằng: HDNT có THG kèm TTTT xuất hiện trước TTTT có số lượng cao nhất là ở hành động (HD) *xin lỗi*: 89/597 (14,90%); HDNT có THG kèm TTTT xuất hiện sau TTTT có số lượng cao nhất là ở HD *mời*: 56/354 (16,23%). Cũng qua bảng này, ta thấy hoạt động của THG xuất hiện khá đồng

đều ở các nhóm HĐNT, điều đó cho thấy không những THG luôn xuất hiện trong giao tiếp của người Nam Bộ như một yếu tố tự nhiên tất yếu mà còn là yếu tố thể hiện tính lịch sự và tình cảm. THG đi kèm với TTTT là một trong các biểu hiện của đặc điểm giao tiếp trọng tình của người Nam Bộ.

a. THG xuất hiện trước TTTT cuối phát ngôn

Ví dụ:

- (1) Mình tập chạy xe cho **Út nghe!** (HĐ cầu khiến).
- (2) Mua giùm chị mớ rau này, **Bây nghe!** (HĐ mời mọc của người bán hàng).
- (3) Mai đi coi hát với **Tám hen!** (HĐ rủ rê).
- (4) Thôi, cố gắng lên **mày ơi!** (HĐ khuyên).
- (5) Tới nơi nhớ gọi điện báo, **con nhen!** (HĐ dặn dò).
- (6) Cảm ơn mợ **ba nhen!** (HĐ cảm ơn).
- (7) Xin lỗi **mày nè!** (HĐ xin lỗi).
- (8) Chúc mừng **Tuyền hen!** (HĐ chúc mừng).

Nếu THG đứng trước TTTT trong phát ngôn (trong cả 8 nhóm) thì điều người nói muốn người nghe chú ý ở THG, đồng thời muốn tăng sắc thái của câu, chờ đợi sự đồng tình của người đối thoại. Như ở ví dụ (1): *Mình tập chạy xe cho Út nghe!* Ở HĐ cầu khiến thể hiện rõ sự chờ đợi sự đồng tình của Út; cũng có thể xem đó là năn nỉ, thiết tha “cầu” nhiều hơn “khiến”. Tương tự, ở ví dụ (2): *Mua giùm mớ rau này Bây nghe!*, lời mời (của người bán) làm người mua khó từ chối, bởi lời thoại không những không mang tính áp đặt mà còn thể hiện sự tôn trọng người nghe. Còn ở (8): Chúc mừng *Tuyền hen!*, THG đứng trước TTTT làm câu chúc trọn vẹn, đầy đặn hơn.

Qua các ví dụ (1), (2), (5), (6), (7), (8), chúng ta thấy có thể có sự hoán đổi vị trí giữa THG và TTTT ở quá trình thực hiện hội thoại trong giao tiếp thường ngày trong đời sống. Lúc ấy, sắc thái biểu cảm có ý nghĩa tình thái hiểu theo cách khác. Riêng (4), THG không thể đứng sau TTTT. *Thôi, cố gắng lên mày ơi!* “*mày ơi*” không thể đảo thành “*ơi mày*”. Điều đó càng cho thấy vị trí xuất hiện trước sau của các yếu tố hô gọi đối với TTTT, cố định hay có thể đảo vị trí là liên quan đến nội dung, theo từng loại HĐ phát ngôn và tính tình thái của từng TTTT được dùng.

Như vậy, việc kết hợp giữa THG và TTTT trong phát ngôn đã trở thành thói quen giao tiếp của người Nam Bộ; điều đó cho thấy người Nam Bộ mặc dù rất xởi lởi, cởi mở trong giao tiếp, chú trọng dùng các TTTT để thể hiện tình cảm nhưng lại luôn giữ được nghi thức xưng hô theo vai, theo các mối quan hệ thân - sơ. Điều đó làm cho lời nói của người Nam Bộ vừa thâm đậm tình cảm, thân tình, thân thiết vừa mang tính lịch sự, trân trọng người giao tiếp.

Quả thật, THG xuất hiện trước TTTT cuối phát ngôn, ở vị trí này các tiêu từ có thể thực hiện cùng nhiều vai trò khác nhau, chính vì thế nó có giá trị truyền tải đầy đủ mọi thông điệp, thái độ của người nói.

b. THG xuất hiện sau TTTT cuối phát ngôn

Xét các phát ngôn sau:

- (9) Qua Chợ Lách rồi địa Nghĩa Phụng, đợi ở cây xăng **nghen chú Chín!** (HĐ cầu khiến).
- (10) Mớ mùng toi non ẻo hà, mua dùm **nghe dượng Út!** (HĐ mời mọc).

(11) Một hồi tao với mày xách đèn qua Côn Thới Sơn chơi đèn ca tài tử **hen mậy!** (HĐ rủ rê).

(12) Đâu bấp lên tặc đùng ngắt ngọn **nghen con!** (HĐ dặn dò).

(13) Cảm ơn nhiều **nghen chị đẹp!** (HĐ cảm ơn).

(14) Xin lỗi **nghen Tùng!** (HĐ xin lỗi).

(15) Chúc mừng **nhen chị!** (HĐ chúc)

(16) Làm dùm **nghen chú!**

Như ta đều biết, hễ giao tiếp là có xung hô, nên việc dùng THG trong giao tiếp là bình thường. Nhưng việc liên kết THG với TTTT trong giao tiếp không chỉ còn là nghi thức mà sẽ tạo nghĩa tình thái phong phú hơn. Đối với ví dụ (10), chúng ta thấy, ngoài việc miêu tả sự tri nhận và kinh nghiệm *mớ mừng toi non èo hà* (vé đầu) thì vé sau (mua dùm **nghe dượng Út**) là lời mời rất lịch sự thiết tha và tình cảm. Ở đây, cách dùng THG và TTTT như vậy là để nhấn mạnh mối quan hệ: vai THG nhỏ hơn nhưng cũng có thể là để lịch sự, người hàng trên dùng THG một cách tế nhị, gọi người dưới hàng theo mối quan hệ sơ (không thân). Ở ví dụ (16) (*Làm dùm **nghen chú!***), nếu là người nói trên hàng thì TTTT cuối phát ngôn *nghen* thường đứng sau từ hô gọi, ví dụ: *Làm dùm chú **nghen***. Trong trường hợp này người nói nhấn mạnh “**chú**” để ngầm ý xác định vai trong giao tiếp cũng có thể nói muốn thể hiện cái uy trong hành động điều khiển mà người nghe phải thực hiện yêu cầu, không thể từ chối, dù là từ chối hết sức lịch sự. Còn ngược lại, TTTT cuối phát ngôn *nghen* đứng trước từ hô gọi, thì chắc chắn người nói thuộc vai nhỏ hơn, nên TTTT đứng trước thể hiện lịch sự, nhẹ nhàng, tha thiết, tôn trọng người giao tiếp, khi “yêu cầu” - câu mong người lớn hàng hơn mình chấp nhận thỉnh cầu.

3. Kết luận

Khảo sát các TTTT cuối phát ngôn đi kèm THG trong giao tiếp của người Nam Bộ, bước đầu phân tích, chúng tôi thấy việc liên kết các yếu tố này với nhau có hiệu quả trong việc thể hiện nghĩa tình thái. THG kết hợp TTTT trong các ngữ cảnh tạo sự chú ý, gây ấn tượng mạnh, tạo sắc thái mới mẻ, đồng thời người nói muốn tìm sự chia sẻ với người nghe, mong muốn người nghe tiếp nhận hay đồng tình.

Khi THG xuất hiện trước TTTT thì trọng tâm sẽ rơi vào đối tượng được gọi, điều đó cho thấy người nói vô cùng quan tâm đến người nghe, lúc ấy có thể điểm nhấn biểu cảm của TTTT sẽ giảm nhẹ hơn một chút.

Khi THG xuất hiện sau TTTT thì trọng tâm sẽ rơi vào TTTT, nội dung lời nói được chú ý hơn, nhấn mạnh hơn, người nghe cần lưu ý đến thông điệp mà người nói đã phát. Ngữ điệu tuy mạnh nhưng không kém phần lịch sự và sự nhẹ nhàng. Người nghe cảm nhận được sự quan tâm, tình cảm trân trọng dành cho mình.

Việc kết hợp THG kèm TTTT cuối phát ngôn trong phương ngữ Nam Bộ một cách tự nhiên, hài hòa, phần nào cho thấy bức tranh giao tiếp trọng tình cảm, nét tinh tế trong lời ăn tiếng nói của người phương Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Văn Chiến (1993). Từ xưng hô trong tiếng Việt. *Việt Nam những vấn đề ngôn ngữ và văn hóa*. Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.

- Lê Đông, Nguyễn Văn Hiệp (2003). Khái niệm tình thái trong ngôn ngữ học. *Ngôn ngữ*, số 6, tr. 17-26, số 7 tr. 48-64.
- Nguyễn Văn Hiệp (2001). Hướng đến một cách miêu tả và phân loại các tiêu từ tình thái cuối câu tiếng Việt. *Ngôn ngữ*, số 5, tr. 48-64.
- Nguyễn Văn Hiệp (2012). *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- Trịnh Cẩm Lan (2010). Biến thể ngữ pháp của một số tiêu từ tình thái cuối câu trong phương ngữ Nam Bộ. *Ngôn ngữ và đời sống*, số 3, tr. 10-12.
- Đỗ Thị Kim Liên (2005). *Giáo trình ngữ dụng học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Hoàng Phê (chủ biên) (2015). *Từ điển tiếng Việt*. NXB Đà Nẵng.
- Hồ Thị Kiều Oanh (2009). Một số tiêu từ tình thái biểu đạt tính lịch sự trong hành động nói lời bằng tiếng Việt. *Ngôn ngữ và đời sống*, số 6.
- Nguyễn Văn Thuận (2009). Vai trò của một số phương tiện tình thái cuối câu trong phương ngữ Nam Bộ. *Ngôn ngữ*, số 1, tr. 69-75.
- Lê Xinh Tươi (2013). *Tiểu từ tình thái cuối phát ngôn trong phương ngữ Nam Bộ*. Luận văn thạc sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Vinh.
- Phạm Hùng Việt (2003). *Trợ từ trong tiếng Việt hiện đại*. Hà Nội: NXB Khoa học xã hội.

SUMMARY

VOCATIVES ACCOMPANIED BY MODAL PARTICLES AT THE END OF STATEMENTS IN THE SOUTHERNERS' COMMUNICATION

Nguyen Mai Phuong

Van Lang University

Received on 03/11/2020, accepted for publication on 08/12/2020

Vocatives and modal particles, in Vietnamese in general and the Southern dialect in particular, are the linguistic patterns that contribute to expressing attitude and emotional meanings. This study examines the relationship between the vocatives and the modal particles at the end of the Southerners' statements. Fieldwork method is applied in this study: data on people's conversations at 11 Southern provinces and cities are collected and analyzed. The results show that it is common that vocatives are accompanied by modal particles in the Southerners' communication, which adds rich semantic nuances to the communication. In addition, either the vocatives come before or after modal particles also leads to the shift of speech focus, resulting in different messages in communication.

Keywords: Modal particles; vocatives; dialect; meaning.